

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách năm 2020

Hôm nay, vào hồi 8h30' ngày 6 tháng 08 năm 2021

Tại Hội trường trụ sở UBND xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên.

UBND xã Huống Thượng tiến hành tổ chức công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách năm 2020 theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách.

I. Thành phần lập biên bản, gồm

1. Đ/c Nguyễn Quốc Hùng - Phó Chủ tịch HĐND
2. Đ/c Đoàn Bá Thu - Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND
3. Đ/c Dương Văn Phượng – P. Chủ tịch UBND – CT Công đoàn.
4. Đ/c Vũ Văn Phong – CT Ủy ban MTTQ
5. Đ/c Nguyễn Thị Hà Anh - Văn phòng thống kê, Thư ký
6. Đ/c Nguyễn Thị Thủy – CB Tài chính kế toán

II. Nội dung:

UBND xã Huống Thượng thực hiện Niêm yết công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách năm 2020 theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách.

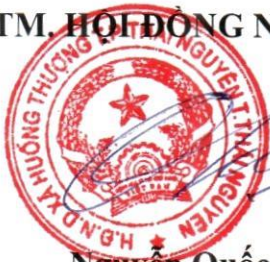
-Nội dung niêm yết: Niêm yết công khai Quyết định và các biểu quyết toán thu chi ngân sách năm 2020 của UBND xã Huống Thượng.

-Thời gian Niêm yết: Từ ngày 06/08/2021 đến hết ngày 06/09/2021

- Hình thức niêm yết: Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Huống Thượng.

Biên bản lập xong hồi 9h15' cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN



Nguyễn Quốc Hùng

TM. ỦY BAN MTTQ



Vũ Văn Phong

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Đoàn Bá Thu

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

Nguyễn Thị Hà Anh

TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Thủy

Số: 56/QĐ-UBND

Huống Thượng, ngày 13 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HUỐNG THƯỢNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, sửa đổi bổ sung 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 15 /NQ-HĐND ngày 5 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Huống Thượng về việc Phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách năm 2020;

Xét đề nghị của Ban tài chính, công chức văn phòng – Thống kê UBND phường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020

(có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Công chức văn phòng – Thống kê, Ban tài chính, Kế toán ngân sách, các bộ phận chuyên môn, tập thể, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố TN;
- TT Đảng ủy, HĐND P;
- Lãnh đạo UBND P;
- MTTQ xã;
- Các ban ngành đoàn thể P;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Đoàn Bá Thu

CÁN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

TỔNG SỐ THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	7 478 285 319	TỔNG SỐ CHI	7 290 961 999
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	408 857 300	I. Chi đầu tư phát triển	1 362 957 200
III. Thu bổ sung	298 073 341	II. Chi thường xuyên	5 719 398 471
- Bổ sung cân đối	5 646 415 616	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	164 799 328
- Bổ sung có mục tiêu	3 970 113 000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	43 807 000
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	1 676 302 616		
V. Thu đóng góp	244 588 451		
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	880 350 611		
Kết dư ngân sách	187 323 320		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	2	3	4	5	6	6
Tổng số thu	638.000.000	604.500.000	7 508 360 080	7 478 285 319	1176,86	1237,1
I. Các khoản thu 100%	350.000.000	350.000.000	408 857 300	408 857 300	116,82	116,82
- Phí, lệ phí	10.000.000	10.000.000	15 300 000	15 300 000	153	153
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			41 628 000	41 628 000		
- Thu khác	340.000.000	340.000.000	345 338 400	345 338 400	101,57	101,57
- Thu phạt vi phạm GT			6 581 000	6 581 000		
- Thu tiền nộp chậm các khoản điều tiết			9 900	9 900		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	288.000.000	254.500.000	328 148 102	298 073 341	113,94	117,12
1. Các khoản thu phân chia	55.000.000	55.000.000	55 952 816	55 883 040	101,73	101,61
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000.000	4.000.000	3 619 000	3 619 000	90,48	90,48
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	6.000.000	6.000.000	6 500 000	6 500 000	108,33	108,33
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	45.000.000	45.000.000	45 764 040	45 764 040	101,7	101,7
- Thu tiền phạt nộp chậm thuế TNCN			8 141			
- Thu tiền nộp phạt các khoản điều tiết NSNN			61 635			
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	233.000.000	199.500.000	272 195 286	242 190 301	116,82	121,4
- Thuế giá trị gia tăng	55.000.000	49.500.000	61 660 279	55 494 253	112,11	112,11
- Thuế TNDN			4 090 800	3 681 720		
- Thuế thu nhập cá nhân	178.000.000	150.000.000	206 444 207	183 014 328	115,98	122,01
Thuế TNCN từ quyền SD đất	150.000.000	150.000.000	183 014 328	183 014 328	122,01	122,01
Thuế TNCN từ SXKD	28.000.000		23 429 879		86,68	
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyên nguồn			880 350 611	880 350 611		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			244 588 451	244 588 451		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			5 646 415 616	5 646 415 616		
- Bổ sung cân đối ngân sách			3 970 113 000	3 970 113 000		
- Bổ sung có mục tiêu			1 676 302 616	1 676 302 616		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SỐ SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	5 808 029 720	1 362 957 200	5 808 029 720	7 290 961 999	1 362 957 200	5 928 004 799	126	100	102
	Chi đầu tư XDCB									
1	Chi SN kinh tế	227 117 720	1300 772 200	227 117 720		1300 772 200	227 117 720		100	100
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi SN y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	22 000 000	62 185 000	22 000 000	22 000 000	62 185 000	22 000 000	100	100	100
5	Chi phát thanh, truyền thanh									
6	Chi thể dục thể thao	15 000 000		15 000 000	15 000 000		15 000 000	100		100
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế									
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5 049 686 000		5 049 686 000	4 961 073 151		4 961 073 151	98	100	98
10	Chi cho công tác xã hội	494 226 000		494 226 000	494 207 600		494 207 600	100		100
11	Chi chuyển giao các cấp NS				43 807 000		43 807 000			
12	Dự phòng ngân sách									
13	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau				164 799 328		164 799 328			

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2020

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

	Số dư đầu năm	KẾ HOẠCH		CHÊNH LỆCH (+) (-)	THỰC HIỆN		CHÊNH LỆCH (+) (-)
		THU	CHI		THU	CHI	
TỔNG SỐ	52.237.000	145.395.000	145.395.000		145.395.000	143.500.000	54.132.000
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	52.237.000	145.395.000	145.395.000		145.395.000	143.500.000	54.132.000
1.1 Quỹ bảo trợ trẻ em	85.000	12.550.000	12.550.000		12.550.000	8.700.000	3.935.000
1.2 Quỹ đền ơn đáp nghĩa	9.967.000	35.860.000	35.860.000		35.860.000	33.200.000	12.627.000
1.3 Quỹ vì người nghèo	25.165.000	35.490.000	35.490.000		35.490.000	40.500.000	20.155.000
1.4 Quỹ da cam	14.035.000	11.930.000	11.930.000		11.930.000	17.200.000	8.765.000
1.5 Quỹ người cao tuổi	2.985.000	12.450.000	12.450.000		12.450.000	7.000.000	8.435.000
1.6 Quỹ nhân đạo		12.160.000	12.160.000		12.160.000	12.000.000	160.000
1.7. Quỹ khuyến học		24.955.000	24.955.000		24.955.000	24.900.000	55.000
2. Các hoạt động sự nghiệp							

